

Bản án số: 37/2019/DS-ST .

Ngày: 18/11/2019.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.

2. Y Nik Êban.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar: Bà Giản Thị Chung – Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2019/DS-ST, ngày 24 tháng 7 năm 2019. Về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXX-TA ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST – DS ngày 01/11/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B.** Sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Thôn 02, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hà Thị T. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

***Bị đơn: Bà Long Thị H, ông Hứa Văn Q. (vắng mặt)**

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị V.

Địa chỉ: Thôn 02, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị T.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2019, bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Do có mối quen biết từ trước nên vào ngày 13/02/2018 (tức ngày 28/12/2017) (AL) ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị V có cho vợ chồng ông Hứa Văn Q, bà Long Thị H vay số tiền 87.000.000 đồng (tám mươi bảy triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/01 tháng và hạn đến ngày 02/02/2019 (tức ngày 28/12/2018 (AL)) ông Q và bà H có trách nhiệm trả đủ cả lãi lẫn gốc.

Tuy nhiên, quá thời hạn trả nợ mà ông Q, bà H vẫn không trả cho ông B, bà V số tiền đã vay bao gồm cả gốc và lãi, nhiều lần ông B và bà H đến nhà ông Q, bà H yêu cầu trả nợ nhưng ông bà luôn tìm cách né tránh và không có thiện chí trả nợ, ngày 12/7/2019 vợ chồng ông Q có đến nhà trả ông B số tiền 16.000.000 đồng tiền lãi, còn tiền gốc vẫn chưa thanh toán. Vì vậy, ông B đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q, bà H phải trả số tiền 87.000.000 đồng tiền gốc. Ngoài ra không yêu cầu lãi suất.

-Tại bản tự khai ngày 06/8/2019 bị đơn bà Long Thị H trình bày:

Vào năm 2014, gia đình tôi có vay của anh B số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), với 03 lần vay, lần thứ nhất là 5.000.000 đồng, lần vay thứ hai là 15.000.000 đồng, lần vay thứ ba là 20.000.000 đồng, tổng số tiền gia đình ông B cho gia đình tôi vay là 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/01 tháng, vì gia đình tôi không trả nợ đúng hạn gia đình ông B đã tính lãi lên đến năm 2017 số tiền gốc và lãi là 87.000.000 đồng, gia đình tôi có trả lãi được cho gia đình ông B là 16.000.000 đồng, số tiền còn lại tôi có nói với anh B là bán đất rồi gia đình tôi cam kết sẽ có trách nhiệm cho ông B số tiền 87.000.000 đồng, nếu tôi tìm được chứng cứ giấy tờ liên quan đến vụ án tôi xin bổ sung sau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

* Đối với bị đơn ông Hứa Văn Q, quá trình làm việc nhiều lần Tòa án triệu tập ông Q lên làm việc để giải quyết vụ án nhưng ông Q cố tình trốn tránh, không chấp hành hợp tác làm việc để giải quyết vụ án, đối với bị đơn bà Long Thị H, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Q, bà H, bà H có lên làm bản tự khai nhưng tại các buổi làm việc sau bà H vắng mặt không có lý do, vì ông Q, bà H cố tình vắng mặt không có lý do, do đó không thể tiến hành hòa giải được. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án, bị đơn ông Hứa Văn Q, bà Long Thị H vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc ông Hứa Văn Q và bà Long Thị H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị V số tiền 87.000.000 đồng.

Bị đơn ông Hứa Văn Q và bà Long Thị H vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Hứa Văn Q và bà Long Thị H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã tuân theo quy định tại Điều 198 của Bộ luật Tố tụng dân sự, như Lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tố tụng của những người tham gia tố tụng; tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, cho đương sự theo quy định của BLTTDS. Thẩm phán tiến hành xác minh, lấy lời khai, lập biên bản hoà giải, mở phiên họp công khai chứng cứ. Việc thu thập chứng cứ đã tuân theo trình tự. Đối với chứng cứ do đương sự cung cấp thì Tòa án lập biên bản giao nhận theo quy định. Do không hòa giải được nên Thẩm phán căn cứ Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi quyết định cho đương sự; gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ vụ án cho VKS đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Đối với nguyên đơn, người liên quan chấp hành đầy đủ giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 72 của BLTTDS. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập, coi như từ bỏ quyền chứng minh của mình trong quá trình giải quyết vụ án

2. Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có việc vay mượn số tiền 87.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất 3%/tháng, lãi suất trả 01 năm 1 lần. Đến nay, mặc dù đã quá hạn trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả đủ số nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng, số tiền 87.000.000 đồng này là số tiền gốc 40.000.000 đồng và lãi phát sinh từ năm 2014 đến ngày 28/12/2017 (ngày chốt nợ). Tuy nhiên, bị đơn không đưa ra các tài liệu, chứng cứ thể hiện các lần vay số tiền 40.000.000 đồng này, nên không có cơ sở để chấp nhận.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án để tính án phí theo đúng quy định của pháp luật./.

Từ những phân tích trên, tôi đề xuất:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 463, 466 BLDS năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Long Thị H, ông Hứa Văn Q phải trả số tiền vay 87.000.000 đồng. Đây là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn là ông Hứa Văn Q và bà Long Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Hứa Văn Q và bà Long Thị H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để đến Tòa án để giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung vụ án:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B yêu cầu bà Long Thị H và ông Hứa Văn Q phải trả số tiền vay gốc 87.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại bản tự khai ngày 06/8/2019, bị đơn bà Long Thị H thừa nhận gia đình bà H, ông Q có nợ ông Nguyễn Văn B số tiền 87.000.000 đồng có viết và ký vào giấy vay tiền là đúng, mặc dù bà H trình bày ban đầu vào năm 2014 gia đình bà H vay của ông B, số tiền vay chỉ là 40.000.000 đồng, ông B lấy lãi suất 3%/01 tháng, vì gia đình bà H, ông Q không trả nợ đúng hạn, nên đến năm 2017 ông B tính cả gốc và lãi lên thành 87.000.000 đồng, gia đình bà H đã trả được cho ông B 16.000.000 đồng tiền lãi suất, trong các phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, cả ông Q và bà H có tình vắng mặt và không cung cấp được các tài liệu chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, nên phải chịu hậu quả về sự vắng mặt của mình, ông B chỉ đồng ý việc bà H, ông Q đã trả được cho ông B 16.000.0000 đồng tiền lãi. Như vậy việc bà H, ông Q còn nợ ông B, bà V số tiền gốc 87.000.000 đồng là có căn cứ, tình tiết sự kiện không phải chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hứa Văn Q và bà Long Thị H không có đơn phản tố. Về số tiền trả lãi ông Q, bà H đã trả cho ông B 16.000.000 đồng, căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*” và phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật. Do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, và thỏa thuận mức lãi suất là 3%/01 tháng tức 36%/01 năm là không phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự, cần điều chỉnh lại cho phù hợp là 20%/01 năm, như vậy số tiền 16.000.000 đồng bà H, ông Q trả cho ông B là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với số tiền lãi phải trả cần chấp nhận, tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, ông B

bà V không yêu cầu bà H, ông Q trả tiền lãi suất của số tiền 87.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX cần chấp nhận.

[3]Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Hứa Văn Q, bà Long Thị H phải chịu 4.350.000^d (Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26, điểm b tiêu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm b tiêu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

- Buộc bị đơn ông Hứa Văn Q, bà Long Thị H phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị V tổng số tiền vay là 87.000.000^d (Tám mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm b tiêu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị đơn bị đơn ông Hứa Văn Quảng, bà Long Thị Hà phải chịu 4.350.000^d (Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (theo mức 87.000.000^d x 5%)

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn B số tiền 2.175.000^d (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0013228 ngày 22/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Ngọc